

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/4/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nhữ Thị L**, sinh năm 1997; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; hiện ở Nhật Bản.

2. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3. Bị đơn: Anh **Đoàn Quang T**, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo, nguyên đơn là chị Nhữ Thị L và người liên quan đồng thời được nguyên đơn uỷ quyền là bà Hồ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh T vài tháng thì thuê nhà ở riêng tại thôn Q, xã B, huyện B. Khoảng năm 2022 khi đó chị L đã sinh con thứ 2, vợ chồng đi làm và chi tiêu riêng, anh T không đưa tiền để chị L chăm sóc gia đình nên cuộc sống rất vất vả, khó khăn. Tháng 7/2022 sau khi đã nói chuyện với anh T thì chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 7/2023 chị L đi Nhật Bản du học, thỉnh thoảng vẫn về Việt Nam nhưng cũng chỉ ở bố mẹ đẻ. Ngày 11/3/2025 chị L vừa về Việt Nam thăm gia đình và sẽ sang Nhật Bản làm việc vào ngày 09/4/2025. Từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ năm 2022 đến nay, thỉnh thoảng vợ chồng có liên hệ với nhau nhưng chỉ nói chuyện về con cái chứ không quan tâm đến nhau, anh T cũng không đón chị L về và cũng không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị L xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị B sinh ngày 11/8/2018 và Đoàn Thị Y sinh ngày 13/11/2020. Từ tháng 7/2022 khi chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì các con ở với chị L. Tháng 7/2023 khi chị L đi Nhật Bản thì các con ở cùng với mẹ đẻ chị L là bà C; từ tháng 02/2024 anh T đón các con về ở cùng anh T cho đến nay. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh T không đồng ý thì chị L đề nghị mỗi người nuôi 01 con, chị L nuôi cháu B và giao cháu Y cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị L được giao quyền nuôi con thì trong thời gian không ở Việt Nam, chị L uỷ quyền cho bà C thay chị chăm sóc con, chi phí chăm sóc chị sẽ gửi cho bà C.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Do ngày 09/4/2025 chị L sẽ xuất cảnh sang Nhật Bản, không thể tiếp tục ở Việt Nam tham gia giải quyết vụ án nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Chị L uỷ quyền cho bà C là người đại diện, thay chị L giao nhận các văn bản với Toà án, quyết định mọi vấn đề về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của chị L trong vụ án.

- Bà C đồng ý nhận uỷ quyền của chị L, cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền. Trường hợp chị L được giao quyền nuôi con thì bà C đồng ý thay chị L chăm sóc cháu trong thời gian chị L không ở Việt Nam, chi phí chăm sóc tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đoàn Quang T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018 tại UBND xã B, huyện B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đầu năm 2023, vợ chồng có xảy ra tranh cãi về chuyện tiền bạc nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất, anh T không đánh vợ nhưng chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau đó chị L tự lo chi phí, tự học ngoại ngữ và tự ý đi Nhật Bản không bàn bạc với anh T. Sau khi chị L đi Nhật Bản cũng không liên lạc và khi về Việt Nam cũng không quan tâm đến cuộc sống của anh T. Nay chị L xin ly hôn thì anh T không đồng ý. Nếu chị L đồng ý về Việt Nam cùng anh T nuôi dạy con cái thì anh T bỏ qua tất cả để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị L vẫn kiên quyết ra đi thì anh cũng không giữ được.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị B sinh ngày 11/8/2018 và Đoàn Thị Y sinh ngày 13/11/2020, hiện đang ở với anh T. Anh T muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị L không đi nước ngoài nữa mà ở nhà nuôi con thì anh T mới đồng ý cho chị L được nuôi con; anh T không đồng ý việc chị L đi Nhật bản và uỷ quyền cho bà C nuôi dưỡng thay vì hiện bà C đã cao tuổi và phải chăm sóc bố chị L đang ốm.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Anh T đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nhữ Thị Lệ ly H anh Đoàn Quang T; giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị L đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Chị L, anh T đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị L hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, anh T không đưa tiền cho chị L để chăm sóc con cái nên cuộc sống của chị L rất vất vả, phải về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, năm 2023 chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng chị L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống rồi tự ý đi Nhật Bản lao động không bàn bạc với anh T và sau đó cũng không liên lạc, không quan tâm đến anh T. Xét thấy chị L và anh T ly thân đã lâu, trong thời gian dài không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hoà giải giữa vợ chồng nhưng không có kết quả, chị L vẫn kiên quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), cần chấp nhận cho chị L ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Đoàn Thị B sinh ngày 11/8/2018 và Đoàn Thị Y sinh ngày 13/11/2020, hiện đang ở với anh T. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng xét thấy hiện chị L đang lao động ở nước ngoài, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc con chung; các con đang ở cùng anh T được bảo đảm điều kiện học tập đầy đủ, phát triển khoẻ mạnh. Để hạn chế xáo trộn môi trường sống, giáo dục cũng như ổn định tâm lý và tình cảm của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T đã được giải thích việc cấp dưỡng là để đảm bảo quyền lợi của con chung nhưng tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị L là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhữ Thị Lệ .

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị Lệ ly H anh Đoàn Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị B sinh ngày 11/8/2018 và Đoàn Thị Y sinh ngày 13/11/2020 cho anh Đoàn Quang T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Quang T về việc không yêu cầu chị Nhữ Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nhữ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nhữ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do bà Hồ Thị C nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 21/3/2025 theo biên lai ký hiệu BLTU/24, số 0001738; chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng